

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 156/2017/DS-PT.

Ngày: 11/7/2017.

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Ngọc Dũng;

Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương-Thư ký TAND tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa .

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLPT-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2016 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140a/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Cao Thanh B**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 5/27, đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn: Ông Đoàn Văn D**, sinh năm 1937.

Địa chỉ: 5/21B, đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Đoàn Kiên T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 5/21B, đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 5/31B, đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Đoàn Kiên T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 5/21B, đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Cao Thanh B.

Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự còn lại có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Cao Thanh B trình bày:

Năm 1977 ông mua lại của bà Đỗ Thị A căn nhà số 5/27, T, phường 3, thị xã B ngang 2,8m, dài 16m. Đến năm 1989 ông có làm đơn xin ủy ban nhân dân phường 3 phần đất trống kế bên có chiều ngang 2m, chiều dài 12m (giấy tờ ủy ban nhân dân phường cấp đất cho ông đã bị thất lạc). Thời điểm này, ông D đã làm chuồng heo tại phần đất trống (vì nhà ông D nằm phía bên kia đường), Ủy ban nhân dân phường có cho ông được mở rộng nhà và ông liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục. Đến năm 1993 ông cất nhà nhưng không cất hết đất, ông D xây chuồng heo trước khi ông cất nhà (khoảng năm 1990), lúc ông D xây chuồng heo hai bên không có tranh chấp nhưng do ông D nuôi heo nên mùi hôi bay qua nhà, ông có báo phường và phường xuống làm việc không cho ông D tiếp tục nuôi heo. Khi cất nhà ông chừa lại ranh đất bên phía ông D (phần giáp ông L khoảng 04 tấc, phần giáp cô T1 khoảng 07 tấc). Cơ quan chức năng tiến hành đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Quá trình sử dụng đất vẫn ổn định cho đến tháng 5/2011 ông D dỡ bỏ chuồng heo để xây nhà thì ông mới phát hiện ông D lấn đất của ông. Diện tích ông D lấn khoảng 1,2m². Nay ông yêu cầu ông D trả lại diện tích đất đã lấn cho ông, nếu không trả đất thì phải trả trị giá đất cho ông theo giá 4.000.000 đồng/m² X 1,2m² = 4.800.000 đồng và yêu cầu ông D phải bồi thường thiệt hại đối với 2m² tường xây bị mục, 03 tấm tol bị cắt, 04 đầu cây đòn tay chò chỉ, theo bản chiết tính để khắc phục thiệt hại là 3.933.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu ngày 22/3/2017 Ông Cao Thanh B yêu cầu Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan trong vụ án, vì ông Nguyễn Văn L không có tranh chấp gì trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông và ông Đoàn Văn D.

Tại tòa sơ thẩm, ông B rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại 780.000 đồng là trị giá của 4 đầu cây đòn tay chò chỉ. Yêu cầu ông D trả giá trị 1,2m² đất lấn chiếm 4.800.000 đồng và bồi thường thiệt hại đối với 2m² tường xây bị mục, 03 tấm tol bị cắt theo bản chiết tính chi phí để khắc phục là 3.150.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông B yêu cầu ông D phải bồi thường là 7.950.000 đồng.

Theo bản tự khai, các biên bản hòa giải, và trong quá trình tố tụng bị đơn Ông Đoàn Văn D và đại diện theo ủy quyền của ông D, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Kiên T trình bày:

Năm 1976 ông D có mua một căn nhà số 5/21 Tân kế phường 3 thị xã Bến Tre. Đến cuối năm 1976 do hai hộ dân ở khu vực đó dời đi nên ông làm đơn xin ủy ban nhân dân phường 3 thị xã Bến Tre đào ao và hùn với Ban thanh tra thị xã nuôi cá. Năm 1979 ông D có làm đơn xin hai lô đất trên, đến năm 1981 ông Phạm Hồ H ký đồng ý cho. Trong năm 1981, ông D tiến hành xây dựng nhà bếp, xây chuồng heo nhưng xây không hết đất mà để lại một phần đất từ chuồng heo của ông đến nhà ông B ngang khoảng 2,5m, dài khoảng 8m để trồng rau. Khoảng năm 1982 ông B qua hỏi xin ông phần đất trồng rau để nuôi heo nên ông mới đồng ý cho ông B phần đất ngang 2m dài 8m. Ông D vẫn sử dụng phần đất này ổn định cho đến ngày 17/5/2011 phát sinh tranh chấp khi ông D tiến hành xây dựng lại nhà mới. Trong khi nhà ông D đang xây, ông B có báo địa phương đồng thời ủy ban nhân dân phường 3 có cử cán bộ đến hiện trường lập biên bản làm việc xác nhận gia đình ông D xây nhà trên hiện trạng nền nhà cũ, lúc này có sự chứng kiến của ông L, cô T1, cô T2 (tổ trưởng). Khi xây phần vách giáp nhà ông L và nhà cô T1 gia đình ông vẫn giữ nguyên. Phần đất này cơ quan chức năng tiến hành đo đạc vào năm 1997. Ông D không có lấn đất của ông B nên không đồng ý trả giá trị 1.2m² đất. Về yêu cầu bồi thường ông D cũng không đồng ý, vì tường nhà ông B bị mục là do ông B mở rộng nhà năm 1993, ô văng nhà ông B vượt qua rãnh nước nhà ông D và đâm qua vách nhà ông D, hậu quả ông B tự chịu do ông B không chịu cắt tấm ô văng, còn 03 tấm tol và đòn tay của ông B đã bị hư trước khi ông D xây nhà năm 2011.

Ngày 03/4/2012 ông Đoàn Văn D có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 1,2m² đất thuộc thửa 368 tờ bản đồ số 5 ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của ông. Ngày 16/9/2015 ông Đoàn Kiên T đại diện theo ủy quyền của ông D rút yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày :

Nhà ông trước đây là nhà lá, ông sử dụng vách tường của ông B và ông D, hai vách tường của hai nhà đã được xây dựng trước đó (trước khi đoàn đo đạc). Năm 2013 khi ông xây dựng lại nhà thì ông B và ông D cũng không có ý kiến gì. Vách tường ranh giữa nhà ông với nhà ông B và nhà ông D từ trước đến nay không thay đổi. Theo đơn cam kết đề ngày 28/6/2016, ông L có trình bày trong vụ án giữa ông Cao Thanh B tranh chấp với ông Đoàn Văn D ông không có ý kiến, ông đề nghị

giải quyết vắng mặt ông trong những lần triệu tập hòa giải và xét xử, ông cam kết không khiếu nại về sau.

Quá trình giải quyết vụ án như sau:

**Tại bản án số 48/2015/DSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:*

Áp dụng Điều 26, 166, 203 Luật Đất đai, Điều 688 Bộ luật Dân sự,

Áp dụng khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D và gia đình trả lại trị giá 1,2m² đất thuộc thửa 368B, tờ bản đồ số 5, số 6, toạ lạc phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre và phần chi phí sửa chữa phát sinh.

Giữ nguyên hiện trạng các hộ đang sử dụng.

Toà án nhân dân thành phố Bến Tre kiến nghị UBND thành phố B xem xét, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ nêu trên cho đúng với hiện trạng sử dụng nhằm bảo vệ quyền sử dụng hợp pháp của công dân theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 13/10/2015, ông Cao Thanh B có đơn kháng cáo.

**Tại bản án số 05/2016/DS-PT ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên:*

Hủy bản án sơ thẩm số 48/2015/DSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử lại theo thủ tục chung.

**Tại bản án số 15/2017/DS-ST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:*

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 26, Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 131, Điều 244, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Cụ thể tuyên:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D bồi thường gia trị 04 đầu cây đòn tay bị mục với số tiền 780.000 (Bảy trăm tám mươi ngàn) đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn D về việc yêu cầu công nhận diện tích 1,2m² đất thuộc thửa 368 (theo hồ sơ đo đạc ngày 24/10/2016 là thửa 368a) tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre mà ông D đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của ông D.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D và gia đình phải trả lại 1,2m² đất thuộc thửa số 368a tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng (Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D và gia đình bồi thường phần chi phí sửa chữa phát sinh, khắc phục thiệt hại gồm: 02m² tường bị mục và 03 tấm tole bị cắt với tổng số tiền là 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, ông Cao Thanh B kháng cáo.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông Cao Thanh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu của ông B, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu tranh chấp phần đất có diện tích 1,2m² của ông B đối với ông D: Ông B và ông D đều thừa nhận đã xây cất nhà sinh sống ổn định từ trước năm 1997 và đến năm 1997 ông B, ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi vách tường nhà giữa các bên đã được xác định trước đó và đã sử dụng ổn định cho đến tháng 5/2011. Tranh chấp xảy ra khi ông D đang xây cất nhà lại vào năm 2011. Ông B cho rằng ông D xây nhà lấn qua đất của ông B phần đất có diện tích 1,2m² thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 5. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 17/5/2011 của Ủy ban nhân dân phường 3 kết luận: Ông Đoàn Văn D xây dựng, sửa chữa lại trên nền nhà cũ theo hiện trạng lúc trước. Tại phiên tòa sơ

thâm, người làm chứng là bà Phạm Thị T2 là trưởng tổ dân phố cũng khẳng định là ông D xây dựng trên nền nhà cũ không có thay đổi vị trí. Bên cạnh đó căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B, ông D vào năm 1997 cụ thể như sau: Ông B được cấp 70,9 m² và vào năm 2015 ông B bị thu hồi phần đất với diện tích 7,3m², như vậy sau khi bị thu hồi diện tích đất ông B còn lại là 63,6m². Phần đất của ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 với diện tích 54,3 m². Theo hồ sơ đo đạc thực tế thể hiện: Hiện trạng tổng diện tích đất ông B sử dụng là 63,6m² bao gồm 62,3m² thuộc thửa 368 tờ bản đồ số 5 (ông B đứng tên sử dụng) + 1,3m² thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 6 (ông L đứng tên sử dụng). Hiện trạng tổng diện tích đất ông D sử dụng là 54,5m² bao gồm diện tích 53,3m² thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 6 (ông D đứng sử dụng) + 1.2m² thuộc thửa 368 tờ bản đồ số 5 (ông B đứng tên sử dụng). Ngoài ra trong hồ sơ đo đạc còn thể hiện 1.2m² đất nằm trong hiện trạng sử dụng đất của ông L thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 6 do ông D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua làm việc, ông L trình bày: Hiện trạng sử dụng đất giữa ông L, ông B và ông D từ trước đến nay không thay đổi, ông không có tranh chấp quyền sử dụng đất hay có yêu cầu gì đối với ông B và ông D trong vụ án này. Do đó thấy rằng ông B, ông D sử dụng đất đúng diện tích với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Vì vậy, ông B cho rằng ông D lấn chiếm đất của ông B là không có căn cứ. Từ các chứng cứ trên khẳng định việc khởi kiện của ông B đối với ông D là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B buộc ông D bồi thường cho ông 2m² tường bị mục, 03 tấm tole bị cắt, thấy rằng: Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2017 nhưng không xác định được mức độ thiệt hại. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre cũng đã yêu cầu Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre tiến hành định giá tuy nhiên căn cứ vào biên bản ngày 25/8/2016 và biên bản 08/12/2016 khẳng định không thể tiến hành định giá từng phần căn nhà và không xác định được phần trăm thiệt hại là bao nhiêu. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre cũng đã hỏi ý kiến của ông B về việc yêu cầu cơ quan thẩm định giá bên ngoài tiến hành định giá tuy nhiên ông B không có yêu cầu và ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào bảng chiết tính của doanh nghiệp tư nhân N để buộc ông D bồi thường, nhưng bản chiết tính này không đúng quy định pháp luật, không phải là kết quả định giá của cơ quan có thẩm quyền định giá mà chỉ là do phía ông B cung cấp nên không thể xem là chứng cứ để giải quyết vụ án. Ông B khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không chứng minh được mức độ thiệt hại, nguyên nhân gây ra thiệt hại nên không có cơ sở, không được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông B và rút toàn bộ phản tố của ông D Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của ông D là có căn cứ.

[4] Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Thanh B.

- Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 26, Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng vào Điều 5, khoản 1 Điều 131, Điều 244, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Cụ thể tuyên:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D bồi thường giá trị 04 đầu cây đôn tay bị mục với số tiền 780.000 (Bảy trăm tám mươi ngàn) đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn D về việc yêu cầu công nhận diện tích 1,2m² đất thuộc thửa 368 (theo hồ sơ đo đạc ngày 24/10/2016 là thửa 368a) tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre mà ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của ông.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D và gia đình phải trả lại 1,2m² đất thuộc thửa số 368a tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng (Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh B về việc yêu cầu ông Đoàn Văn D và gia đình bồi thường phần chi phí sửa chữa phát sinh, khắc phục thiệt hại gồm: 02m² tường bị mục và 03 tấm tole bị cắt với tổng số tiền là 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 4.556.200 (Bốn triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm) đồng ông B phải chịu. Ông B đã nộp xong.

Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Cao Thanh B phải chịu là 397.500 (Ba trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 498.500 (Bốn trăm chín mươi tám ngàn năm trăm) đồng theo các biên lai số 003468 ngày 11/7/2011; số 0000544 ngày 10/10/2012; 0010867 ngày 29/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ông B số tiền 101.000 (Một trăm lẻ một ngàn) đồng. Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí đo đạc, định giá và xem xét, thẩm định tài sản các đương sự đã nộp xong.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Thanh B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010775 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thuý